

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **360/2019/ LD - PT**

Ngày: 24-04-2019

V/v “Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền.
Bà Lê Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành , Thư ký Tòa án nhân dân T phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Từ ngày 16 đến ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/TLPT-LĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 58/2018/LĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, T phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1282/2019/QĐ - PT ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 2835/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân T phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Đức N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn TP, huyện D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Diệp Bảo NG, sinh năm 1977.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 3266 ngày 07 tháng 7 năm 2017.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Điện máy H (Tên mới: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản điện máy H). Trụ sở: số 18B2, Khu phố B, phường T, Quận M, T phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Quốc T – Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Điện máy H.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – ông Đào Đức N ; Bị đơn Công ty TNHH điện máy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/3/2014, ông Đào Đức N vào làm việc tại Công ty TNHH điện máy H, mức lương thỏa thuận là 9.000.000 đồng, công việc tại Công ty là nhân viên bán hàng, tất cả nội dung đều thỏa thuận miệng, không có đề cập đến vấn đề thời hạn làm việc. Vì Công ty không ký hợp đồng lao động với người lao động nên tập thể người lao động đã phản đối với Giám đốc, nên ngày 01/8/2015 Công ty ký hợp đồng lao động với ông N thời hạn 2 tháng chỉ nhằm mục đích đối phó. Quá trình làm việc ông N luôn hoàn T nhiệm vụ. Tuy nhiên đến tháng 12/2016 Giám đốc Công ty là ông Vũ Quốc T yêu cầu ông N nghỉ việc, đồng thời yêu cầu ông N nhận tiền ký quỹ hàng tháng 600.000 đồng. Công ty cho ông N nghỉ việc mà không đưa ra bất cứ lý do gì, trong khi ông N không vi phạm, Công ty cũng không ra quyết định cho nghỉ việc, không báo trước thời gian nghỉ việc theo quy định của pháp luật.

Do Công ty Công ty TNHH điện máy H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên nguyên đơn có các yêu cầu sau:

- Yêu cầu bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 30/12/2016 tạm tính đến nay số tiền là 198.000.000 đồng.

- Thanh toán 2 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động là 18.000.000 đồng.

- Thanh toán tiền lương tháng 13 theo quy định tại hợp đồng lao động là 9.000.000 đồng.

- Thanh toán tiền bồi thường để chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 3 Điều 42 bộ luật lao động là 18.000.000 đồng.

- Thanh toán tiền lương do vi phạm quy định về thời hạn báo trước số tiền là $9.000.000/26 \times 45 = 12.115.384$ đồng, làm tròn 12.000.000 đồng.

- Rút yêu cầu bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Trong đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của bị đơn trình bày:

Hợp đồng lao động mà nguyên đơn cung cấp là do Công ty ký kết. Năm 2015, Công ty có ký hợp đồng lao động thời hạn hai tháng với người tên Đào Đức N nhưng không nhớ có phải là ông N trong vụ kiện này hay không. Hồ sơ ký kết hợp đồng lao động với người tên Đào Đức N hiện không còn lưu trữ. Ông N- nguyên đơn trong vụ kiện này không phải là nhân viên Công ty, Công ty không biết ông N. Bảng lương nguyên đơn cung cấp không phải do Công ty ban hành.

Công ty xác định các lệnh điều động do Giám đốc ký và dấu mộc tròn trong các tài liệu nguyên đơn cung cấp là của Công ty TNHH Điện máy H, nhưng các lệnh này không rõ ràng. Bảng lương có dấu mộc tròn và phiếu xuất kho có thể do nhân viên của Công ty tự đóng dấu và đưa cho nguyên đơn. Giấy ủy quyền có thể do nhân viên đưa nhiều giấy tờ và Giám đốc không kiểm tra nên đã ký tên.

Không có cơ sở chứng minh ông Đào Đức N là nhân viên Công ty. Công ty không đồng ý với tất cả yêu cầu của nguyên đơn đưa ra.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 58/2018/LĐ-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, T phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 22, 38, 42, 50 của Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” của ông Đào Đức N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy H.

1.1. Tuyên bố Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy Hchấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Đào Đức N.

1.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy Hcó trách nhiệm bồi thường cho ông Đào Đức N như sau:

- Lương những ngày không làm việc 81.000.000 (Tám mươi một triệu) đồng;
- 30 ngày do vi phạm NG vụ báo trước là 9.000.000 (Chín triệu) đồng.
- Bồi thường 02 tháng tiền lương: 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

1.3. Bác các yêu cầu sau của nguyên đơn:

- Yêu cầu bị đơn bồi thường để chấm dứt hợp đồng lao động;
- Yêu cầu bị đơn trả lương tháng 13 của năm 2017.

1.4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH Điện máy Hchịu án phí 3.240.000 (Ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 16/11/2018, ông Đào Đức N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 02/11/2018, Công ty TNHH điện máy Hcó đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Diệp Bảo NG là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày các yêu cầu kháng cáo của ông Đào Đức N như sau:

Ông N đã làm việc liên tục cho Công ty TNHH điện máy H từ ngày 07/3/2014 cho đến ngày 30/12/2016 là 33 tháng, có hợp đồng lao động, có bảng lương hàng tháng, có giấy ủy quyền, có lệnh điều động, có phiếu xuất kho mà Công ty đã thừa nhận nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ hợp đồng 2 tháng để xác định bồi thường là chưa phù hợp với thực tế và quy định pháp luật, đây là hợp đồng lao động không xác định thời hạn nên Công ty phải có trách nhiệm bồi thường cho ông N những khoản sau: Thanh toán tiền lương tháng 13 là 9.000.000 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 18.000.000 đồng (9.000.000đ x 2 tháng); Bồi thường thêm những tháng không được làm việc tạm tính đến tháng 10/2018 là 22 tháng, Tòa án nhân dân Quận M chỉ buộc bồi thường 9 tháng là chưa hợp lý nên ông N

yêu cầu bồi thường thêm 13 tháng tiền lương không được làm việc là 117.000.000 đồng (9.000.000đ x 13 tháng); Thanh toán thêm khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước theo khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 15 ngày tương ứng ½ tháng lương số tiền là 4.500.000 đồng. Tổng số tiền ông N yêu cầu Công ty TNHH điện máy Hbồi thường bổ sung ngoài số tiền mà bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên là 148.000.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Vũ Quốc T trình bày:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai T viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 27 tháng 11 năm 2018 thì Công ty TNHH Điện máy Hđược đổi tên T Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Điện máy H. Công ty kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án để xem xét lại các chứng cứ do ông N cung cấp cho Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đào Đức N, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2018/LĐ - ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, T phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2.1] Về nội dung: Trong quá trình Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án, bị đơn không thừa nhận nguyên đơn là nhân viên Công ty, không thừa nhận tất cả dấu mộc tròn trên các tài liệu do nguyên đơn cung cấp là dấu của Công ty, chữ ký trên các giấy ủy quyền, lệnh điều động không phải của Giám đốc Công ty.

[2.2] Tại kết luận giám định số 2287/C5B4 ngày 06/6/2018 của Phân viện KHHS tại TP.HCM của Tổng cục cảnh sát xác định dấu mộc tròn trên các chứng từ do nguyên đơn cung cấp là mộc của Công ty và tại phiên tòa ngày 02/11/2018, đại diện Công ty cũng thừa nhận con dấu trên các tài liệu này là của Công ty.

[2.3] Tại biên bản phiên tòa ngày 9/5/2018 (Bút lục số 152) và biên bản phiên tòa ngày 02/11/2018 (Bút lục số 149), Công ty TNHH điện máy H xác nhận ông N có thử việc 2 tháng tại Công ty với mức lương 9 triệu đồng/tháng, có ký hợp đồng lao động sau 2 tháng ông N ra làm tiếp thị tự do. Vì khách hàng không trả góp đúng hạn, Công ty có làm giấy giới thiệu để ông N đòi tiền hoặc hàng.

[2.4] Như vậy, Công ty TNHH điện máy Hthừa nhận có ký kết hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 với người tên Đào Đức N nhưng không xác định được có phải là ông N - nguyên đơn trong vụ án này hay không. Tại Hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 thể hiện người sử dụng lao động là Công ty TNHH điện máy Hký kết hợp đồng với người lao động là Đào Đức N, sinh năm 1983, số CMND 085078460 do Công an tỉnh Bình Phước cấp, những nội dung này trùng với thông tin trên CMND của ông Đào Đức N – nguyên đơn vụ án này. Cấp sơ thẩm nhận định giữa ông N và Công ty TNHH điện máy Hcó ký kết hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 là có cơ sở.

[2.5] Hợp đồng lao động thể hiện ngày ký kết là 01/8/2015, ông N không chứng minh được đã làm việc tại Công ty từ tháng 3/2014. Do vậy thời gian làm việc của ông N được xác định là ngày 01/8/2015 như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[2.6] Hợp đồng lao động có thời hạn 02 tháng, khi hết hạn hợp đồng ông N vẫn làm việc tại Công ty được thể hiện qua các tài liệu cung cấp cho Tòa như 15 lệnh điều động từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2016, 20 phiếu xuất kho từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2016, giấy ủy quyền các ngày 5/10/2015 và 21/11/2016 của Giám đốc Công ty cho người tên Đào Đức N thu tiền góp của khách hàng, thời gian ủy quyền từ ngày 21/11/2016 đến ngày 20/12/2016. Ông N cho rằng ngày 30/12/2016 Giám đốc Công ty gọi điện cho nghỉ việc mà không có lý do. Về phía Công ty không chứng minh được ông N thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động 2012. Do đó, có cơ sở cho rằng ngày 30/12/2016 ông N bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 có thời hạn 02 tháng. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Bộ luật Lao động 2012 thì đây là hợp đồng lao động theo mùa vụ.

Khoản 2 Điều 22 Bộ luật Lao động quy định: Khi hợp đồng lao động quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới thì hợp đồng đã giao kết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trở T hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn là 24 tháng.

[3.1] Theo quy định nêu trên, đồng thời căn cứ vào quá trình làm việc của ông N tại Công ty thì sau khi hợp đồng lao động hết hạn, ông N vẫn tiếp tục làm việc, không ký kết hợp đồng lao động mới, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng lao động giữa ông N và Công ty là hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn 24 tháng tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/9/2017 là có căn cứ.

[3.2] Như phân tích nêu trên, hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 sẽ hết hạn vào ngày 30/9/2017 nhưng vào ngày 30/12/2016 ông N đã bị cho nghỉ việc. Cho

nên những ngày không được làm việc của ông N được tính từ ngày 01/01/2017 cho đến hết tháng 9/2017 là 9 tháng như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3.3] Đối với yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động, nhận thấy:

Khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động quy định: Trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận lại người lao động và người lao động đồng ý, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này và trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật này, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động.

[3.4] Hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 là hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn 24 tháng kể từ ngày 01/10/2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động là không có cơ sở, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.5] Về yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 13 năm 2017: Hợp đồng lao động không có thỏa thuận này và ông N không chứng minh được Công ty có chế độ này, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

[3.6] Về yêu cầu thanh toán thêm 15 ngày do vi phạm thời hạn báo trước tương ứng ½ tháng lương, nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động: Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước:

b) Ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn.

Hợp đồng lao động ngày 01/8/2015 là là hợp đồng lao động xác định thời hạn, nên theo quy định trên, thời hạn báo trước là 30 ngày, cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định.

[4] Ông N rút yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội, chốt trả sổ bảo hiểm xã hội nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N cũng như không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH điện máy H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH điện máy H chịu 300.000 đồng. Ông N được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 22, 38, 42 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đào Đức N và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn điện máy H.

2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 58/2018/LĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, T phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” của ông Đào Đức N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy H.

3.1. Tuyên bố Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy Hchấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Đào Đức N.

3.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy Hcó trách nhiệm bồi thường cho ông Đào Đức N như sau:

- Lương những ngày không làm việc 81.000.000 (Tám mươi một triệu) đồng;
- 30 ngày do vi phạm NG vụ báo trước là 9.000.000 (Chín triệu) đồng.
- Bồi thường 02 tháng tiền lương: 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

3.3. Bác các yêu cầu sau của nguyên đơn:

- Yêu cầu bị đơn bồi thường để chấm dứt hợp đồng lao động;
- Yêu cầu bị đơn trả lương tháng 13 của năm 2017.

3.4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện máy Hchịu án phí 3.240.000 (Ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng.

5. Án phí lao động phúc thẩm:

5.1. Bị đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào biên lai thu tiền số 0002984 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, T phố Hồ Chí Minh.

5.2. Nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (T.16B).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương